

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 01 - 3 - 2018

V/v tranh chấp ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Tôn Nám.

Ông Nguyễn Minh Trọn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 01 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2018/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 10 năm 2017, về việc “Tranh chấp ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2018; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T A, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Dinh H1**, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T A, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị H trình bày: Về hôn nhân, vào khoảng năm 1999 bà (Nguyễn Thị H) và ông Nguyễn Dinh H1 chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong thời gian chung sống xảy ra mâu thuẫn, bà và ông H1 thường xuyên xảy ra việc tranh cãi, xúc phạm lẫn nhau. Mâu thuẫn diễn ra ngày càng trầm trọng dẫn đến việc cả hai người không còn chung sống từ năm 2015 cho đến nay. Xét thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Dinh H1. Về con chung, có 01 người tên là Nguyễn Trường K (giới tính nam), sinh ngày 29/12/1999. Bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Ông Nguyễn Dinh H1 trình bày: Về hôn nhân, ông thống nhất phần trình bày của bà H về thời gian chung sống và việc không có đăng ký kết hôn. Giữa ông và bà H chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến xúc phạm lẫn nhau. Ông và bà H không còn chung sống từ tháng 5 năm 2015 cho đến nay. Xét thấy cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc, ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị H. Về con chung đúng là có 01 người như bà H trình bày, thời điểm hiện tại con chung đã trưởng thành và có khả năng tự lao động sinh sống nên không yêu cầu giải quyết về con chung. Về tài sản chung, nợ chung thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Dinh H1 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Ông Nguyễn Dinh H1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Dinh H1 là có căn cứ.

[3]. Xét về hôn nhân, bà H và ông H1 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà H và ông H1 thống nhất xác định quá trình chung sống cả hai thường xuyên mâu thuẫn, dẫn đến việc xúc phạm lẫn nhau. Cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Cả hai người thống nhất xác định là không còn chung sống với nhau từ năm 2015 cho đến nay mà không thể hòa giải, không thể tiếp tục cuộc sống chung. Bà H yêu cầu được ly hôn, ông H1 thống nhất ly hôn theo yêu cầu của bà H. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của bà H và ông H1 không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Hôn nhân giữa bà H và ông H1 đã và đang trong tình trạng trầm trọng. Do hôn nhân đã vi phạm quy định về điều kiện kết hôn theo Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Dinh H1 không được công nhận là vợ chồng.

[4]. Về con chung, cả hai người thống nhất xác định có 01 người con chung là Nguyễn Trường K (giới tính nam), sinh ngày 29/12/1999, hiện đang sống cùng bà Nguyễn Thị H. Tính đến thời điểm xét xử, Nguyễn Trường K đã đủ 18 tuổi, bà H khẳng định con chung có khả năng tự lao động sinh sống. Bà H, ông H1 cùng khẳng định không có yêu cầu về con chung, nên không đặt ra xử lý.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung, bà H và ông H1 thống nhất xác định không có, không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, bà H phải nộp theo quy định chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 28, 35, 39 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Đình H1 là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị H đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006763, ngày 19 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Đình H1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Phòng KT-NV & THA (Tòa án tỉnh);
- Chi cục THADS H.Phú Tân (khi án có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn THnh Phước